SAO Y; Văn phòng, Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng; 30/06/2022; 10:21:36 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 154 /KH-UBND	*Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2022*

KẾ HOẠCH

Hành động thực hiện Chương trình "Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam" giai đoạn 2021 - 2030 thành phố Hải Phòng

Căn cứ Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình "Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam";

Căn cứ Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 22/06/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về Chương trình hành động vì trẻ em thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 31/01/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về triển khai thực hiện Đề án chăm sóc, phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2018 - 2025.

Căn cứ thực trạng tình hình dinh dưỡng của bà mẹ, trẻ em trên địa bàn thành phố Hải Phòng, Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình "Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam" giai đoạn 2021 - 2030 với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của phụ nữ có thai và trẻ em dưới 24 tháng tuổi, góp phần nâng cao tầm vóc, thể lực người Việt Nam trên địa bàn thành phố. Tổ chức triển khai có hiệu quả các hoạt động, bảo đảm đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong Chương trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu 1: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của phụ nữ có thai và trẻ em

- Phấn đấu đến năm 2025

+ Duy trì tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi dưới 7%;

+ Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi dưới 16 %.

+ Tỷ lệ cân nặng sơ sinh thấp (dưới 2.500 gram) dưới 5%

+ Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai dưới 23% (dựa vào số liệu tính chung cho toàn quốc).

- Phấn đấu đến năm 2030

+ Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi dưới 6%;

+ Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi dưới 14%;

+ Tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh thấp (dưới 2.500 gram) dưới 4%

+ Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai xuống dưới 20%.

b) Mục tiêu 2: Nâng cao tỷ lệ thực hành về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời cho người chăm sóc trẻ

- Phấn đấu đến năm 2025

+ 70% bà mẹ thực hành cho trẻ bú sớm và 50% bà mẹ cho trẻ bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu;

+ 50% bà mẹ tiếp tục cho trẻ bú mẹ đến khi trẻ được 24 tháng tuổi hoặc lâu hơn;

+ 50% bà mẹ cho trẻ từ 6 - 24 tháng tuổi ăn bổ sung đúng cách.

- Phấn đấu đến năm 2030

+ 80% bà mẹ thực hành cho trẻ bú sớm và 70% bà mẹ cho trẻ bú hoàn toàn trong 6 tháng đầu;

+ 60% bà mẹ tiếp tục cho trẻ bú mẹ đến khi trẻ được 24 tháng tuổi;

+ 70% bà mẹ cho trẻ từ 6 - 24 tháng tuổi ăn bổ sung đúng cách.

II. CÁC GIẢI PHÁP VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Công tác chỉ đạo điều hành

- Nghiên cứu, vận dụng các văn bản chính sách, pháp luật, hoàn thiện hệ thống quản lý về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời, trong đó có hỗ trợ phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú, và trẻ em dưới 24 tháng tuổi, có chính sách ưu tiên tại các huyện/xã khó khăn, tập trung ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Nội dung này được đưa vào hoạt động của Ban Chăm sóc sức khỏe Nhân dân các cấp.

- Xây dựng các chỉ tiêu về dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời và đưa vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại từng quận, huyện; xây dựng thực đơn dinh dưỡng phù hợp theo nhóm đối tượng và vùng miền. Lồng ghép các chỉ tiêu

về dinh dưỡng trong chương trình này với các chỉ tiêu về dinh dưỡng của các chương trình liên quan tại các quận, huyện trên địa bàn thành phố.

- Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát việc xây dựng kế hoạch và hệ thống chỉ tiêu, bố trí kinh phí, thực thi chính sách hỗ trợ phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú và trẻ em dưới 24 tháng tuổi; Việc thực hiện Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 06/11/2014 của Chính phủ về kinh doanh và sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo. Tăng cường giám sát tại các trường mầm non về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác phối hợp liên ngành trong chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời; chú trọng phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố trong việc thực hiện chương trình.

2. Về thông tin, truyền thông và vận động thay đổi hành vi về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời

- Tăng cường công tác thông tin, truyền thông và vận động về lợi ích của việc khám thai định kỳ và chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu, cho trẻ ăn bổ sung hợp lý, bổ sung vi chất dinh dưỡng.

- Tập trung cung cấp thông tin và truyền thông vận động đối với phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ, người chăm sóc trẻ và gia đình, đặc biệt là các đối tượng ở xã nghèo, ven biển, hải đảo.

- Đa dạng hóa các phương thức truyền thông phù hợp với các nhóm đối tượng. Chú trọng thông tin, truyền thông qua hệ thống cơ sở, cán bộ y tế cơ sở, hội phụ nữ, thông tin tại thôn bản thuộc vùng sâu, vùng xa.

- Phổ biến kiến thức và kỹ năng truyền thông cho cán bộ y tế, cán bộ hội phụ nữ các cấp, nhất là cấp cơ sở về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời.

- Tổ chức các hoạt động biểu dương, tôn vinh bằng hình thức phù hợp đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích, các mô hình thực hiện có hiệu quả (như bệnh viện thực hành nuôi con bằng sữa mẹ xuất sắc, thiết lập và vận hành ngân hàng sữa mẹ).

3. Về chuyên môn kỹ thuật

- Triển khai toàn diện các can thiệp về chăm sóc dinh dưỡng cho 1.000 ngày đầu đời bao gồm: thực hiện chăm sóc sức khỏe và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ trước, trong và sau sinh; Nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi; định kỳ theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ.

- Hướng dẫn dinh dưỡng phù hợp với từng đối tượng và địa bàn, sử dụng nguồn lương thực, thực phẩm sẵn có tại hộ gia đình, đảm bảo an ninh lương thực,

an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Xác định nhóm đối tượng ưu tiên và khu vực cần được can thiệp dựa theo các tiêu chí về suy dinh dưỡng, tình trạng dinh dưỡng của phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương trong thành phố, trước hết là tại các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng sâu, vùng xa, ven biển, hải đảo có tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thấp.

- Tập huấn, cập nhật kiến thức cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, đội ngũ y tế thôn, tổ về chăm sóc sức khỏe và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; hướng dẫn ăn bổ sung hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi; Theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ em dưới 2 tuổi; bổ sung vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ có thai, trẻ dưới 2 tuổi.

- Xây dựng các mô hình triển khai thí điểm tại một số xã trọng điểm, xã khó khăn trên địa bàn thành phố.

- Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn, giám sát thực tế các mô hình triển khai tại các xã phường trên địa bàn thành phố.

4. Theo dõi, giám sát và đánh giá

- Xây dựng, giám sát đánh giá kết quả thực hiện chương trình.

- Thiết lập hệ thống báo cáo, thu thập thông tin phục vụ cho việc đánh giá, giám sát về kết quả thực hiện chương trình.

- Thực hiện khảo sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chương trình tại các quận huyện trên địa bàn thành phố.

III. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Ngân sách nhà nước bảo đảm theo khả năng cân đối ngân sách và theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ y tế, dân số, lồng ghép trong các chương trình, dự án có liên quan theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

- Huy động sự tham gia đóng góp, hỗ trợ của các tổ chức trong và ngoài nước, đặc biệt trong việc sản xuất và cung ứng các vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và trẻ em.

(Phụ lục kèm theo).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng phụ nữ có thai, trẻ em dưới 2 tuổi phù hợp với các chỉ tiêu của Chương trình để đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế

- xã hội hàng năm của thành phố.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm. Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Uỷ ban nhân dân các quận, huyện tổ chức thực hiện các hoạt động của kế hoạch.

- Hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho các sở, ban, ngành địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch.

- Giao Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hải Phòng chịu trách nhiệm chính tổ chức triển khai các hoạt động nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng của phụ nữ có thai, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ và trẻ em dưới 2 tuổi, góp phần nâng cao tầm vóc, thể lực người Việt Nam tại thành phố Hải Phòng.

- Chỉ đạo các đơn vị ngành y tế, Trung tâm Y tế các quận, huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện, nội dung hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng và triển khai Chương trình "Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em nâng cao tầm vóc người Việt Nam" tại địa phương.

- Cung cấp miễn phí một số loại vi chất dinh dưỡng thiết yếu cho phụ nữ có thai và bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em dưới 2 tuổi bị suy dinh dưỡng thuộc xã nghèo, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, xã có tỷ lệ suy dinh dưỡng cao, trẻ suy dinh dưỡng cấp tính.

- Củng cố mạng lưới quản lý suy dinh dưỡng thể thấp còi và thể nhẹ cân tại Trạm Y tế xã, phường.

+ Các Trạm Y tế phân công cán bộ phụ trách hoạt động của chương trình, báo cáo Trung tâm Y tế các quận, huyện để theo dõi và báo cáo Sở Y tế.

+ Các Trạm Y tế tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã, phường đưa nội dung triển khai Chương trình "Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em nâng cao tầm vóc người Việt Nam" là một nội dung hoạt động của Ban Chăm sóc sức khỏe nhân dân cấp xã, phường, huy động toàn thể các ban, ngành, hội, đoàn thể của các xã, phường và mạng lưới nhân viên y tế thôn, tổ tích cực tham gia.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Sở Y tế triển khai các hoạt động của kế hoạch đến các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục, các trung tâm học tập cộng đồng phối hợp và triển khai thực hiện các hoạt động truyền thông, chăm sóc dinh dưỡng và sức khỏe

cho trẻ trên địa bàn; nâng cao hiệu quả công tác y tế trường học và công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ trong 1.000 ngày đầu đời.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Y tế căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách nhà nước hàng năm tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí ngân sách để thực hiện Chương trình "Chăm sóc 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tàm vóc người Việt Nam" trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo quy định của Pháp luật.

- Căn cứ các Văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và thành phố, phối hợp với Sở Y tế và các Sở ngành, địa phương, đơn vị liên quan nghiên cứu, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố cơ chế chính sách tài chính để thực hiện Chương trình "Chăm sóc 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam" trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo quy định của Pháp luật.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Đưa mục tiêu về dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại từng địa phương; sử dụng số liệu dinh dưỡng hàng năm, 5 năm phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan đưa các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng phụ nứ có thai, trẻ em dưới 2 tuổi phù hợp với các chỉ tiêu của Chương trình để đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của thành phố.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội đối với trẻ em, trong đó chú trọng đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Triển khai thực hiện các chính sách khuyến khích, phát triển sản xuất nhằm đảm bảo nhu cầu lương thực của địa phương.

- Hướng dẫn nhân dân sản xuất thực phẩm an toàn, dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe; tăng cường kiểm tra, kiểm soát chất lượng an toàn thực phẩm nông sản hàng hóa.

- Xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn phục vụ nhu cầu dinh dưỡng của người tiêu dùng trong và ngoài thành phố.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí trên địa bàn thành phố, Cổng thông tin điện tử thành phố, hệ thống thông tin cơ sở thực hiện các chương trình phát thanh, phóng sự truyền hình, tổ chức triển khai các hoạt động thông tin, giáo dục truyền thông về Chương trình "Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam" trên địa bàn thành phố.

- Phối hợp với Sở Y tế cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền cho các cơ quan truyền thông để phục vụ công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về Chương trình "Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam" giai đoạn 2021 - 2030 thành phố Hải Phòng.

Phối hợp với Sở Y tế, các sở, ban, ngành liên quan định hướng các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở tổ chức triển khai các hoạt động thông tin, giáo dục truyền thông về Chương trình "Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam" trên địa bàn thành phố.

8. Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng

Phối hợp với Sở Y tế thực hiện các chương trình phát thanh, phóng sự truyền hình nhằm tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh, tuyên truyền giáo dục sức khỏe, truyền thông về dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em trên địa bàn thành phố.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố

- Tuyên truyền vận động toàn dân tích cực tham gia các hoạt động của Chương trình "Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em nâng cao tầm vóc người Việt Nam" trên địa bàn thành phố; giám sát việc thực hiện chương trình.

- Lồng ghép việc thực hiện các chỉ tiêu Chương trình "Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em nâng cao tầm vóc người Việt Nam" trên địa bàn thành phố với cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

10. Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố

Vận động hội viên và gia đình hội viên thực hiện chế độ chăm sóc dinh dưỡng đối với phụ nữ có thai, trẻ em dưới 2 tuổi, chú trọng các nội dung như chăm sóc bà mẹ trước sinh, tư vấn, hướng dẫn cho con bú sữa mẹ, bổ sung vi chất, thực hiện dinh dưỡng hợp lý.

11. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

- Căn cứ mục tiêu và các chỉ tiêu tại Kế hoạch này, chú trọng xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình phù hợp với đặc điểm của địa phương; lồng ghép các chỉ tiêu của Chương trình "Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em nâng cao tầm vóc người Việt Nam" trên địa bàn thành phố vào trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Triển khai thực hiện lồng ghép các nội dung hoạt động của chương trình trên địa bàn, bố trí ngân sách, nhân lực, cơ sở vật chất triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của chương trình tại địa phương.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chương trình.

Các Sở, ngành, đơn vị liên quan và các địa phương căn cứ kế hoạch triển khai thực hiện, báo cáo kết quả về Sở Y tế trước ngày 15 tháng 11 hàng năm để tổng hợp báo cáo Uỷ ban nhân dân thành phố và Bộ Y tế./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- CT, các PCT UBNDTP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các quận, huyện;
- CPVP;
- Các Phòng: VX, NC&KTGS;
- CV: YT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Khắc Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH DỰ TRÙ KINH PHÍ
CHƯƠNG TRÌNH "CHĂM SÓC DINH DƯỠNG 1.000 NGÀY ĐẦU ĐỜI NHẰM PHÒNG, CHỐNG SUY DINH DƯỠNG BÀ MẸ, TRẺ EM, NÂNG CAO TẦM VÓC NGƯỜI VIỆT NAM" TẠI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2022 – 2030

(Kèm theo Kế hoạch số: 154 /KH-UBND, ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung hoạt động	Số ngày, lượt	Đơn vị tính	Định mức	Nhu cầu kinh phí giai đoạn 2022 - 2030									Tổng
					2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	
1	**Công tác truyền thông, giáo dục dinh dưỡng, tập huấn, đào tạo, đào tạo lại, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật tuyến dưới**				**100,58**	110,64	121,70	133,87	133,87	133,87	133,87	133,87	133,87	**1136,14**
1.1	**Truyền thông**													
1.1.1	Truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng													
	Chuyên mục dinh dưỡng và sức khỏe trên đài truyền hình	1		1,0	1,0									
	Chuyên mục dinh dưỡng và sức khỏe trên đài truyền hình	1		0,5	0,5									

	Truyền thông trên loa phát thanh quận, huyện	2	15 quận, huyện	0,08	2,4									
	Truyền thông trên loa phát thanh xã/phường	1	218 xã, phường	0,08	17,44									
1.1.2	Truyền thông trực tiếp													
	Truyền thông GDDD hướng dẫn THDD tại các xã/phường	1	218 xã, Phường	0,8	17,44									
	Truyền thông GDDD hướng dẫn THDD tại các trường mầm non	3	2 trường	1,0	6,0									
1.2	Tập huấn													
	- Khánh tiết, loa đài, projecto...	1	15 quận, huyện	0,3	4,5									
	- Phục vụ	1	45 người	0,04	1,8									
	- Nước uống	1	650 người	10	6,5									
	- Giảng viên	15	2 người	1,0	30									
	- Tài liệu	1	650 người	20	13,0									
2	**Khám sàng lọc, tư vấn dinh dưỡng**				**212,17**	233,39	256,73	282,4	282,4	282,4	282,4	282,4	282,4	**2396,68**

	cho trẻ bị suy sinh dưỡng, thừa cân, béo phì, thiếu vi chất dinh dưỡng													
	Hỗ trợ CBYT xã/phường, CTV dinh dưỡng cân đo đánh giá tình trạng dinh dưỡng, tham gia khám trực tiếp, tư vấn trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì, thiếu vi chất dinh dưỡng	2	1090 người	0,09	196,2									
	Hỗ trợ CBYT quận/huyện thành phố , CTV dinh dưỡng cân đo đánh giá tình trạng dinh dưỡng, tham gia khám sàng lọc trực tiếp, tư vấn trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì, thiếu vi chất dinh dưỡng tại các xã trọng điểm	15	15	0,071	15,97									

3	**Can thiệp dinh dưỡng, tư vấn, cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em, hướng dẫn thực hành dinh dưỡng cho bà mẹ có con bị suy dinh dưỡng**				**209,30**	230,23	253,25	278,58	278,58	278,58	278,58	278,58	278,58	**2.364,26**
3.1	Thực hành dinh dưỡng bà mẹ có con dưới 2 tuổi													
	- Hỗ trợ xã, phường tổ chức triển khai công tác thực hành dinh dưỡng	10	1	0,5	5,0									
	- Hỗ trợ CBYT tham gia giám sát, thực hành dinh dưỡng quận/huyện, thành phố	10	15 người	0,04	6,0									
	- Mua thực phẩm thực hành dinh dưỡng	1	550 người	0,006	3,3									
3.2	Tư vấn dinh dưỡng và hỗ trợ can thiệp dinh dưỡng cho trẻ	10	10 người	0,3	30									

	SDD tại một số xã trọng điểm													
3.3	Cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng, điều trị cho trẻ SDD cấp tính	10	550 người	0,03	165									
4	**Điều tra, giám sát dinh dưỡng, xác định tỷ lệ thiếu máu thiếu máu dinh dưỡng ở phụ nữ mang thai**				**221,27**	243,40	267,74	294,51	294,51	294,51	294,51	294,51	294,51	**2499,46**
	- Hỗ trợ xã, phường tổ chức tổ chức triển khai		30 xã Phường	0,5	15									
	- Cán bộ xã, phường phục vụ đợt điều tra	60	6 người	0,04	14,4									
	Xét nghiệm công thức máu cho phụ nữ có thai tại các xã, phường	30	50 người	0,043	64,5									
	- Hỗ trợ CBYT đi giám sát	60	12 người	0,04	28,8									
	- Công cán bộ Y tế điều tra, trực tiếp khám sàng lọc, xét nghiệm	60	10 người	0,0356	21,36									

	- Hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin	33	50 người	0,04	66									
	- Nhập số liệu, thống kê, báo cáo	45	7 người	0,0356	11,21									
5	Công tác cân đo trẻ định kỳ, theo dõi tình trạng dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng, cân nặng sơ sinh thấp dưới 2500gr				**51,62**	**51,62**	**51,62**	**51,62**	**51,62**	**51,62**	**51,62**	**51,62**	**51,62**	**464,58**
	Hỗ trợ CBYT xã/phường, CTV tham gia công tác cân đo định kỳ		800 người	0,04	32,0									
	Hỗ trợ CBYT xã/phường, quận/huyện, thành phố tham gia trực tiếp khám tư vấn dinh dưỡng trong các đợt cân đo định kỳ đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ theo hàng tháng, hàng quý		218 xã Phường	0,09	19,62									

6	Thù lao chuyên trách dinh dưỡng, cộng tác viên thực hiện theo dõi tăng trưởng và truyền thông giáo dục dinh dưỡng cho trẻ dưới 2 tuổi, PNMT, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ hàng tháng	4	654 Người	0,15	**392,4**	**392,4**	**392,4**	**392,4**	**392,4**	**392,4**	**392,4**	**392,4**	**392,4**	**3.531,60**
7	**Công tác kiểm tra, giám sát (giám sát định kỳ, giám sát liên ngành), theo dõi, thống kê, báo cáo**				**68,88**	**68,88**	**68,88**	**68,88**	**68,88**	**68,88**	**68,88**	**68,88**	**68,88**	**619,92**
7.1	Công cán bộ giám sát liên ngành	7	12	0,04	3,36									
7.2	Công cán bộ thành phố giám sát quận/huyện, xã/ phường	126	10	0,04	50,4									
7.3	Công cán bộ quận/huyện giám sát các xã/phường	126	3	0,04	15,12									
8	**Chi hỗ trợ xã, phường thực hiện quản lý chương trình**				**174,9**	**174,9**	**174,9**	**174,9**	**174,9**	**174,9**	**174,9**	**174,9**	**174,9**	**1.574,10**

	- Hỗ trợ CBYT xã, phường, chuyên trách dinh dưỡng, CTV dinh dưỡng triển khai các hoạt động dinh dưỡng trên địa bàn xã, phường quản lý		1.166 người	0,15	**174,9**									
9	Tăng cường phát triển và thực hiện chính sách dinh dưỡng. Trang thiết bị tài liệu, dụng cụ chuyên môn đồng bộ tuyến dưới, VPP, xăng xe và các chi phí khác				**300,84**	**300,84**	**300,84**	**300,84**	**300,84**	**300,84**	**300,84**	**300,84**	**300,84**	**2.707,56**
	Cung cấp trang thiết bị đồng bộ: cân, thước đo nằm cho trẻ dưới 2 tuổi, thước MUAC		218 xã Phường	1,0	218									
	Trang bị tài liệu chuyên môn về quản lý và điều trị suy dinh dưỡng cấp tính		232	0,09	20,88									

	Trang bị tài liệu về ứng phó trong các tình huống khẩn cấp		232	0,03	6,96									
	Tăng cường phát triển và thực hiện các chính sách dinh dưỡng và các chi phí khác				55,0									
	Tổng				1731,96	1806,29	1888,06	1978,0	1978,0	1978,0	1978,0	1978,0	1978,0	**17.294,31**
	Bằng chữ: Mười bảy tỷ, hai trăm chín tư triệu, ba trăm mười nghìn đồng./.													

Ghi chú: Tại mục 1, 2, 3, 4: lũy kế 1,1 từ 2022 đến năm 2025.